

Bản án số: 63/2021/DS-ST

Ngày 28 - 10 - 2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mượn tiền*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Diện**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Tiến** và ông **Nguyễn Văn Sanh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Phương Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2021/TLST-DS ngày 20.4.2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mượn tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2021/QĐXXST-DS ngày 29.7.2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 55/2021/TB-TA ngày 12.8.2021; Thông báo mở phiên tòa số: 09/2021/TB-TA ngày 07.9.2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 12/2021/TB-TA ngày 16.9.2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2021/QĐST-DS ngày 15.10.2021, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị C** - Sinh năm 1966.

Địa chỉ: 02 Đ, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền ông Trần Minh D, sinh năm 1983 và bà Mai Thị Ngọc H, sinh năm 1997. Địa chỉ: 02 Đ, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền số công chứng: 000801 ngày 27.4.2021), có mặt.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Chí T**. Địa chỉ: 37 Y, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 - 4 - 2021 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Vào ngày 20.12.2019, tôi đã cho ông Nguyễn Chí T mượn số tiền 600.000.000 đồng với thời hạn là 06 tháng, không tính tiền lãi; thời hạn trả nợ là

ngày 20.6.2020. Tuy nhiên khi đến thời hạn trả nợ, mặc dù tôi đã rất nhiều lần yêu cầu nhưng ông Nguyễn Chí T vẫn không trả tiền cho tôi như đã thỏa thuận. Vì vậy, tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Chí T phải trả cho tôi số tiền gốc đã mượn là 600.000.000 đồng và phải trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ tính từ ngày 20.6.2020 đến ngày 20.9.2021 theo mức lãi suất 7,5%/năm là 56.095.000 đồng; tổng số tiền phải trả là 656.095.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Chí T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C và không đến Tòa án để giải quyết vụ việc.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Nguyễn Chí T đã được triệu tập để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Chí T phải trả lại số tiền đã mượn là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Chí T có nơi cư trú tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Chí T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu thanh toán tiền gốc: Mặc dù ông Nguyễn Chí T vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu trả tiền của bà Nguyễn Thị C. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà Nguyễn Thị C cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 20.12.2019, ông Nguyễn Chí T đã viết giấy mượn của bà Nguyễn Thị C số tiền 600.000.000 đồng, hẹn sáu tháng sau sẽ trả đủ. Đến thời hạn trả nợ nhưng ông Nguyễn Chí T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà Nguyễn Thị C là vi phạm nghĩa vụ của bên mượn tài sản theo quy định tại Điều 496 Bộ luật Dân sự. Do đó, bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Chí T phải trả lại số tiền đã

mượn nói trên là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 499 Bộ luật Dân sự cần được chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả: Theo thỏa thuận thì ông Nguyễn Chí T phải trả số tiền đã mượn cho bà Nguyễn Thị C vào ngày 20.6.2020. Tuy nhiên, cho đến nay ông Nguyễn Chí T vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà Nguyễn Thị C. Việc bà Nguyễn Thị C yêu cầu ông Nguyễn Chí T phải trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ, tính từ ngày 20.6.2020 đến ngày 20.9.2020 theo mức lãi suất 7,5%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cần được chấp nhận. Do đó, buộc ông Nguyễn Chí T phải trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là 56.095.000 đồng. Tổng số tiền ông Nguyễn Chí T phải trả cho bà Nguyễn Thị C là 656.095.000 đồng (tiền gốc 600.000.000 đồng, tiền lãi 56.095.000 đồng).

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị C được chấp nhận, nên ông Nguyễn Chí T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 30.243.800 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 357, khoản 2 Điều 468; Điều 494, 496, 498 và 499 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về “*Tranh chấp hợp đồng mượn tiền*” của bà Nguyễn Thị C đối với ông Nguyễn Chí T.

Xử:

1. Buộc ông Nguyễn Chí T phải trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 656.095.000 đồng (tiền gốc 600.000.000 đồng, tiền lãi 56.095.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Chí T phải chịu là 30.243.800 đồng. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.000.000 đồng theo Biên lai thu số 5409 ngày 20.4.2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Văn Diện